TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 06/02/2025
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1003/2023/TLST – DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266 - 268, N, phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 787-789 đường P, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang Đ – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S – CN Đ kiêm trưởng PGD B.

Ông Đ ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn Đ1

Địa chỉ liên hệ: 787-789 đường P, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Ngày 16/09/2022, bà H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 33.2%/năm. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc 90.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/05/2023 bà H có thanh toán với tổng số tiền là 20.800.000 đồng, sau đó bà H đã sử dụng lại số tiền là 20.800.000 đồng.

Tính đến ngày 06/02/2025 bà H còn nợ Ngân Hàng TMCP S số tiền gốc là 90.000.000 đồng và lãi quá hạn là 43.151.223 đồng, tổng số tiền bà H còn nợ Ngân Hàng TMCP S bao gồm cả gốc và lãi là 133.151.223 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm hai mươi ba đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/06/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 06/02/2025, bà H còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc: 90.000.000 đồng

+ Lãi quá hạn: 43.151.223 đồng

+ Tổng cộng: 133.151.223 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm hai mươi ba đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà Trần Thị Kim H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/02/2025 là 133.151.223 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm hai mươi ba đồng).

2. Bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kim H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Kim H không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Thị Kim H (có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai) trả ngay cho Ngân hàng cả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 16/09/2022 nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Kim H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trần Thị Kim H được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401, 402, 405 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kim H đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bị đơn đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, bà H không có mặt, không gửi văn bản ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP S đã cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với lãi suất là 33.2%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà H. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Trần Thị Kim H đã thực hiện các giao dịch, rút tiền với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/05/2023, bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 20.800.000 đồng, sau đó bà H đã sử dụng lại số tiền 20.800.000 đồng. Ngày 25/06/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do đó, căn cứ Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Kim H trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/02/2025 bà H còn nợ Ngân Hàng TMCP S số tiền gốc là 90.000.000 đồng và lãi quá hạn là 43.151.223 đồng, tổng số tiền bà H còn nợ Ngân Hàng TMCP S bao gồm cả gốc và lãi là 133.151.223 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi mốt ngàn hai trăm hai mươi ba đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 07/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/9/2022.

[3]. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải nộp số tiền án phí sơ thẩm 6.657.561 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Trần Thị Kim H về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Trần Thị Kim H trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/02/2025 là 133.151.223 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi ba đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng; lãi quá hạn và phí là 43.151.223 đồng.

Bà Trần Thị Kim H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 07/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/9/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với bà Trần Thị Kim H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 6.657.561 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.164.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009593 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám